

# VẬN DỤNG THUYẾT ĐA TRÍ TUỆ NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NHẬN THỨC VÀ TƯ DUY CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC CÁC CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

Lê Thị Dung<sup>1,+</sup>,  
Nguyễn Thị Thế Bình<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Tây Bắc;

<sup>2</sup>Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

+ Tác giả liên hệ • Email: lethidung@utb.edu.vn

## Article history

Received: 12/01/2025

Accepted: 19/02/2025

Published: 05/3/2025

## Keywords

Theory of Multiple Intelligences, cognitive and thinking abilities, teaching integrated topics, History and Geography, secondary schools

## ABSTRACT

The flexible application of Gardner's Theory of Multiple Intelligences in teaching history in general, and teaching integrated topics of History and Geography in middle schools in particular, creates an ideal environment for students to express their abilities and strengths in the cognitive process. At the same time, it creates opportunities for teachers to flexibly apply teaching methods and means to suit students' intelligence. These days, the Theory of Multiple Intelligences has been flexibly applied in many subjects in high schools, including History. The article presents the advantages of the Theory of Multiple Intelligences; identifies the content and process; thereby proposing measures to apply the Theory of Multiple Intelligences to develop students' cognitive and thinking abilities in teaching integrated topics of History and Geography in middle schools. Ultimately, the study contributes to improving the quality of subject teaching in fulfillment of the country's education and training career. The study provides a scientific basis to help teachers effectively apply diverse teaching methods, meet students' varied learning needs, and contribute to improving education quality and fostering comprehensive and sustainable education innovation.

## 1. Mở đầu

Thuyết Đa trí tuệ không chỉ là một lý thuyết về trí thông minh mà còn được chấp nhận rộng rãi hơn như một phương pháp giảng dạy nhằm cải thiện trí thông minh của HS (Campbell et al, 1996; Fasko, 2001; Lazear, 1998). Do đó, nhiều hoạt động và mô hình có thể được áp dụng trong quá trình dạy và học dựa trên lý thuyết này (Demirel et al., 2006). Việc GV vận dụng và sử dụng sáng tạo các nguyên tắc cơ bản của Thuyết Đa trí tuệ có khả năng củng cố và đánh giá cao những khác biệt cá nhân của HS như: phong cách học tập, sở thích, tài năng,... (Selçuk et al., 2000) Có thể thấy, Thuyết Đa trí tuệ hướng đến dạy học phân hoá, chú trọng cá biệt hóa HS trong quá trình nhận thức.

Môn Lịch sử và Địa lí ở trường THCS có ưu thế đối với việc phát triển một số dạng trí tuệ cho HS. Mỗi dạng trí tuệ cũng là một biểu hiện của một năng lực nhất định, nếu được phát hiện và bồi dưỡng đúng cách sẽ là tiền đề, cơ sở để phát triển các năng lực cần thiết cho HS trong quá trình học tập ở trường THCS, như: trí tuệ ngôn ngữ gắn liền với sự phát triển của năng lực ngôn ngữ; trí tuệ logic có ưu thế để phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử; trí tuệ giao tiếp là cơ sở để phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác; trí tuệ nội tâm là cơ sở để phát triển năng lực tự chủ và tự học,... Theo đó, trong quá trình dạy học, GV cần vận dụng linh hoạt, đa dạng các hình thức, phương pháp dạy học phù hợp với phong cách học tập, khả năng nhận thức của từng đối tượng để phát huy tối đa các dạng trí tuệ tiềm ẩn trong mỗi HS, thúc đẩy niềm đam mê, hứng thú nhận thức, qua đó góp phần nâng cao kết quả học tập cho người học.

Bài báo nghiên cứu bản chất của Thuyết Đa trí tuệ và đề xuất một số biện pháp vận dụng linh hoạt lý thuyết này vào dạy học các chủ đề tích hợp môn Lịch sử và Địa lí ở trường THCS nhằm phát triển năng lực nhận thức và tư duy cho HS, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Ưu thế của Thuyết Đa trí tuệ đối với việc phát triển năng lực nhận thức và tư duy cho học sinh trong dạy học các chủ đề tích hợp môn Lịch sử và Địa lí ở trường trung học cơ sở

Trí tuệ là khả năng giải quyết các vấn đề hoặc đưa ra những sản phẩm mới có giá trị trong một hay nhiều nền văn hóa khác nhau (Armstrong, 2011). Trí tuệ không phải là một tổ hợp đơn nhất, mà là tập hợp nhiều dạng trí tuệ, chúng tương tác với nhau theo những thể thức đa chiều, phức tạp.

Thuyết Đa trí tuệ (Theory of Multiple Intelligences) là sản phẩm khoa học của Gardner. Theo đó, mỗi người đều tồn tại 8 loại hình trí tuệ và phát triển ở nhiều mức độ khác nhau: *Trí tuệ ngôn ngữ* (khả năng sử dụng hiệu quả từ ngữ, lời nói hoặc bằng chữ viết); *Trí tuệ giao tiếp* (khả năng hướng ngoại và sự nhạy cảm của họ với tâm trạng, cảm xúc, động cơ của người khác); *Trí tuệ logic - toán học* (khả năng lập luận, tóm tắt sự việc, suy luận khoa học và khả năng thực hiện các phép tính phức tạp); *Trí tuệ không gian* (khả năng tiếp nhận chính xác thế giới không gian qua thị giác); *Trí tuệ hình thể - động năng* (sự thành thạo trong việc sử dụng hoạt động của cơ thể để thể hiện các ý tưởng và cảm xúc, sự khéo léo sử dụng hai bàn tay để làm biến đổi sự vật). *Trí tuệ âm nhạc* (khả năng cảm nhận, phân biệt, biến đổi và thể hiện các hình thức âm nhạc); *Trí tuệ nội tâm* (khả năng hiểu biết bản thân và hành động thích hợp trên cơ sở tự hiểu mình); *Trí tuệ tự nhiên học* (năng khiếu nắm bắt, nhận dạng, phân loại thực vật, động vật trong môi trường sống và sự nhạy cảm đối với các hiện tượng thiên nhiên) (Gardner, 2012). Mỗi người có thể có một hoặc nhiều loại trí thông minh khác nhau và cách mà họ hành động để đạt được mục đích hay giải quyết vấn đề là khác nhau. Trí thông minh phụ thuộc vào môi trường - hoàn cảnh sống, nền văn hóa, xã hội tác động để có thể hình thành một năng lực nào đó. Tuy nhiên, trí thông minh có thể tồn tại độc lập hoặc có thể kết hợp với nhau, để tạo nên sự thích ứng cho cá thể. Do đó, không thể áp dụng các quy chuẩn chung để đo lường trí thông minh bằng việc chỉ đánh giá kết quả mà không đánh giá quá trình, hay đánh giá bài kiểm tra có gần gũi với thực tế cuộc sống hay không (Gardner, 1983).

Thuyết Đa trí tuệ đã gợi mở ra rất nhiều phương pháp tích cực theo hướng khai phá tiềm năng của người học, góp phần “thức tỉnh” các dạng trí tuệ tiềm ẩn của người học. Mỗi dạng trí tuệ sẽ có các phương pháp giảng dạy phù hợp và đặc trưng (Hoàng Văn Trang, 2022). Nghiên cứu của Malapad và cộng sự (2021) sử dụng Thuyết Đa trí tuệ của Gardner như một cơ sở lý thuyết trọng tâm để cá nhân hóa và đa dạng hóa quá trình dạy học. Cụ thể, nghiên cứu áp dụng bài kiểm tra đa trí tuệ nhằm đánh giá và xác định các dạng trí tuệ ưu thế ở HS. Dựa trên kết quả đó, mô-đun giảng dạy được thiết kế theo phương pháp 5E, qua đó điều chỉnh các hoạt động học tập phù hợp với đặc điểm nhận thức và sở trường riêng của từng HS. Phương pháp này không chỉ tạo điều kiện cho sự tham gia tích cực của HS mà còn hỗ trợ GV trong việc xây dựng bài giảng linh hoạt, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập trong lớp học hiện đại. Nghiên cứu của Anggoro và cộng sự (2024) cũng phát hiện rằng, trí thông minh của HS có thể được tối ưu hóa thông qua hướng dẫn của GV dựa trên trí tuệ đa dạng được phân biệt. Trí tuệ được phát triển bao gồm trí thông minh logic-toán học, ngôn ngữ, vận động, giao tiếp và nội tâm,... GV áp dụng đa dạng Thuyết Đa trí tuệ có thể được phát triển một cách tự nhiên tạo cho HS cảm thấy bầu không khí học tập vui vẻ và học tập không căng thẳng; HS về ghi nhớ, hiểu và áp dụng thông qua các bài tập thực hành và các hoạt động nhập vai.

Từ các nghiên cứu vận dụng Thuyết Đa trí tuệ trong dạy học trên, chúng tôi cho rằng vận dụng Thuyết Đa trí tuệ trong quá trình dạy học các chủ đề tích hợp Lịch sử và Địa lí ở trường THCS giúp GV hiểu sâu sắc về đối tượng nhận thức, đánh giá đúng khả năng phát triển trí tuệ của HS. Từ đó, lựa chọn và sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp, tạo môi trường thuận lợi cho HS bộc lộ và phát huy tối đa khả năng, sở trường để tích cực, chủ động, độc lập, sáng tạo trong quá trình khám phá và chiếm lĩnh kiến thức. Theo đó, Thuyết Đa trí tuệ gợi mở cho GV nhiều cách thức dạy học sáng tạo. Đồng thời mở ra nhiều “con đường” để HS thỏa sức khám phá kiến thức tri thức, rèn luyện, phát triển kỹ năng học tập của bộ môn, đặc biệt là kỹ năng tư duy lịch sử (phân tích, so sánh, đánh giá, nhận xét, vận dụng, liên hệ thực tiễn cuộc sống),... Từ đó, phát triển năng lực chung cũng như năng lực riêng của bộ môn Lịch sử, trong đó có thành phần năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, năng lực lịch sử được mô tả chi tiết, bao gồm ba thành phần: năng lực tìm hiểu lịch sử; năng lực nhận thức và tư duy lịch sử; năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. Trong đó, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử có những biểu hiện cụ thể như sau:

Bảng 1. Mô tả thành phần năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cấp THCS theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018)

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
Nhận thức và tư duy lịch sử	- Mô tả và bước đầu trình bày được những nét chính của các sự kiện lịch sử cơ bản với các yếu tố chính về thời gian, địa điểm, diễn biến, kết quả; diễn biến các trận đánh và cuộc chiến trên lược đồ, bản đồ lịch sử.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày bối cảnh lịch sử và đưa ra nhận xét về những nhân tố tác động đến sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, quá trình lịch sử; giải thích được kết quả của sự kiện, diễn biến chính của lịch sử.</li> <li>- Phân tích được những tác động của bối cảnh không gian, thời gian đến các sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử.</li> <li>- Bước đầu giải thích được mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử, mối quan hệ tác động qua lại của các sự kiện, hiện tượng với hoàn cảnh lịch sử.</li> <li>- Trình bày được chủ kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử,... như lập luận khẳng định hoặc phủ định các nhận định, nhận xét về một sự kiện, hiện tượng, vấn đề hay nhân vật lịch sử.</li> </ul>
--	---

Bảng 1 cho thấy, biểu hiện của năng lực nhận thức và tư duy lịch sử là sự tiếp nối và phát triển cao hơn so với năng lực tìm hiểu lịch sử. Trên cơ sở biết được lịch sử diễn ra như thế nào một cách cụ thể, chính xác, sinh động, hấp dẫn, HS phải sử dụng các thao tác của tư duy như giải thích, phân tích tìm ra mối liên hệ, sự tác động qua lại của các sự kiện; so sánh tìm ra điểm tương đồng và khác biệt của các sự kiện; tổng hợp, nhận xét, đánh giá về tác động của các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử. Qua đó, giúp HS hiểu sâu sắc được lịch sử, đồng thời là cơ sở để HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để liên hệ, đánh giá, giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống và vận dụng trong quá trình học tập tiếp theo.

Vì vậy, ưu thế của Thuyết Đa trí tuệ là tạo điều kiện tối ưu hóa năng lực nhận thức và tư duy lịch sử và địa lí của HS THCS thông qua phương pháp giảng dạy linh hoạt, phù hợp với nhiều loại hình trí tuệ. Đối với kiến thức lịch sử, HS có trí tuệ ngôn ngữ mạnh có thể phát triển tư duy qua tranh luận về sự kiện, nhân vật lịch sử; HS có trí tuệ không gian có thể tái hiện diễn biến lịch sử qua sơ đồ, bản đồ tư duy; trí tuệ vận động giúp HS học qua nhập vai, diễn kịch tái hiện lịch sử,... Đối với kiến thức địa lí, trí tuệ logic giúp HS phân tích số liệu, biểu đồ khí hậu, dân số; trí tuệ tự nhiên giúp HS phát huy qua khám phá môi trường thực tế, nghiên cứu địa hình,... Sự kết hợp này giúp HS không chỉ ghi nhớ kiến thức mà còn biết phân tích, đánh giá, liên hệ thực tiễn, từ đó phát triển tư duy lịch sử và địa lí một cách toàn diện và hiệu quả.

## 2.2. Quy trình vận dụng Thuyết Đa trí tuệ nhằm phát triển năng lực nhận thức và tư duy cho học sinh trong dạy học các chủ đề tích hợp môn Lịch sử và Địa lí ở trường trung học cơ sở

Trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí 2018, các chủ đề tích hợp môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS được cấu trúc như sau:

Bảng 2. Các chủ đề tích hợp môn Lịch sử và Địa lí ở trường THCS (Bộ GD-ĐT, 2018)

Lớp	Tên chủ đề
7	Các cuộc đại phát kiến địa lí
	Đô thị: Lịch sử và hiện tại (1)
8	Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (1)
	Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (1)
9	Đô thị: Lịch sử và hiện tại (2)
	Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (2)
	Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (2)

Kiến thức của các chủ đề tích hợp trong môn Lịch sử và Địa lí ở trường THCS mang tính tích hợp của nhiều ngành khoa học, phản ánh toàn diện bức tranh sống động của đời sống xã hội loài người trên tất cả các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, văn minh,... Với nội dung kiến thức đa dạng, phong phú của các chủ đề tích hợp đòi hỏi GV phải sử dụng linh hoạt, đa dạng các phương pháp dạy học khác nhau. Theo đó, vận dụng Thuyết Đa trí tuệ có ưu thế nổi bật, góp phần đem lại hiệu quả cao trong quá trình khám phá và chiếm lĩnh kiến thức của HS.

Trên cơ sở hiểu được bản chất của Thuyết Đa trí tuệ của Gardner và nội dung các chủ đề tích hợp môn Lịch sử và Địa lí THCS, chúng tôi xác định quy trình vận dụng Thuyết Đa trí tuệ nhằm phát triển năng lực nhận thức và tư duy cho HS trong dạy học các chủ đề tích hợp môn Lịch sử và Địa lí ở trường THCS như sau: (1) Xây dựng hồ sơ học tập của HS: GV sử dụng phiếu khảo sát để xác định phong cách học tập, trình độ nhận thức và loại hình trí tuệ nổi trội của HS trong môn Lịch sử và Địa lí (ví dụ: HS có trí tuệ không gian có thể học tốt qua lược đồ, sơ đồ tư duy; HS có trí tuệ ngôn ngữ giỏi diễn đạt sự kiện lịch sử bằng lời hoặc bài viết,...); Tổ chức các hoạt động trải nghiệm như phân tích bản đồ, tranh ảnh lịch sử, thuyết trình nhóm để đánh giá sở trường của từng HS; Xây dựng hồ sơ cá nhân về phong cách học tập và thế mạnh trí tuệ của HS để cá nhân hóa quá trình giảng dạy; (2) Xây dựng và tổ chức bài dạy: Dựa trên hồ sơ học tập, GV thiết kế bài giảng tích hợp phù hợp với nhiều loại hình trí tuệ: Trí tuệ ngôn ngữ: Yêu

cầu HS viết bài luận, tóm tắt sự kiện lịch sử bằng câu chuyện; Trí tuệ không gian: Sử dụng bản đồ lịch sử, biểu đồ khí hậu để HS phân tích dữ liệu trực quan; Trí tuệ logic - toán học: Xây dựng bài tập thống kê dân số, tính toán khoảng cách địa lý hoặc phân tích số liệu lịch sử; Trí tuệ vận động: Cho HS nhập vai nhân vật lịch sử hoặc mô phỏng hiện tượng địa lý qua hoạt động nhóm; Trí tuệ giao tiếp: Tổ chức tranh biện về nguyên nhân và hậu quả của các sự kiện lịch sử, địa lý; Trí tuệ nội tâm: Yêu cầu HS phản ánh cá nhân về một sự kiện lịch sử hoặc ảnh hưởng của môi trường đến đời sống con người; (3) Đánh giá và cải tiến giờ dạy: GV kiểm tra mức độ đạt mục tiêu bài học bằng nhiều hình thức: bài kiểm tra viết, dự án nhóm, trình bày bản đồ tư duy, đánh giá theo tiêu chí năng lực lịch sử và địa lý; Theo dõi sự tiến bộ của HS qua sổ cá nhân, phản hồi từ HS để điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp hơn; Cải tiến bài giảng dựa trên phân tích kết quả học tập và phản hồi của HS nhằm tối ưu hóa việc phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử và địa lý.

### **2.3. Đề xuất một số biện pháp vận dụng Thuyết Đa trí tuệ nhằm phát triển năng lực nhận thức và tư duy trong dạy học các chủ đề tích hợp môn Lịch sử và Địa lý ở trường trung học cơ sở**

Để vận dụng Thuyết Đa trí tuệ hiệu quả, GV cần hiểu rõ tâm - sinh lí cũng như sở trường của HS để có những biện pháp, cách thức tiếp cận dạy học phù hợp. Chẳng hạn, để phát triển trí tuệ ngôn ngữ, GV tổ chức cho HS tham gia các trò chơi giải mã từ khoá, toạ đàm chia sẻ về các cuốn sách hay, thú vị,...; trí tuệ logic - toán học có thể vận dụng cách tính thời gian trong lịch sử, tính toán số liệu về thành tựu kinh tế,...; trí tuệ âm nhạc có thể được vận dụng khi HS được cảm thụ về âm nhạc, tìm hiểu về loại hình nghệ thuật dân ca, ngâm thơ,... có liên quan đến bài học lịch sử; trí tuệ không gian được biểu hiện ở việc HS có khả năng ghi nhớ, tiếp thu kiến thức dựa vào tranh ảnh, sơ đồ, xây dựng các mô hình,...; trí tuệ hình thể động năng biểu hiện ở việc HS được tham gia các trò chơi lịch sử, tham gia diễn xuất, đóng kịch những nội dung liên quan đến bài học lịch sử,...; trí tuệ tự nhiên học đòi hỏi HS dành sự quan tâm đến thiên nhiên ở xung quanh như các công trình kiến trúc, bảo tàng, tác động của điều kiện tự nhiên đối với địa điểm/không gian xảy ra các sự kiện lịch sử,... Căn cứ vào hồ sơ học tập của HS (hiểu được thiên hướng, sở trường), GV lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp, tạo điều kiện cho các em phát huy tối đa khả năng, sở trường của mình, từ đó mở ra các cơ hội học tập, biến trường học trở thành “ngôi trường hạnh phúc” đối với tất cả HS. Trong phạm vi bài báo, chúng tôi tập trung vào ba biện pháp chủ yếu sau.

#### **2.3.1. Xác định mục tiêu bài học phù hợp với đặc điểm các dạng trí tuệ của học sinh**

Mục tiêu bài học là cái đích cần đạt tới của mỗi bài học/chủ đề, đồng thời là cơ sở để xác định nội dung, phương pháp, phương tiện, cách thức tổ chức dạy học cho HS phù hợp. Do đó, căn cứ vào yêu cầu cần đạt của từng bài học/chủ đề, GV cần giải mã được các câu hỏi như: Nội dung bài học phù hợp với những dạng trí tuệ nào?, Làm thế nào để HS phát triển được trí tuệ đó?, Cách thức tổ chức dạy học như thế nào để đạt được mục tiêu?,... (Phạm Đăng Khoa, 2016).

Ví dụ, khi xây dựng kế hoạch bài học cho chủ đề 1: *Các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV-XVI* (Lịch sử và Địa lí 7, bộ Cánh Diều), cần xác định mục tiêu cần đạt về các trí tuệ như sau: (1) Trí tuệ logic: thông qua việc sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử, HS giải thích được nguyên nhân và điều kiện dẫn đến các cuộc phát kiến địa lí; phân tích được những tác động của các cuộc phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử; lập được infographic về các tác động kinh tế, văn hoá, chính trị của phát kiến địa lí; (2) Trí tuệ ngôn ngữ: mô tả được hai cuộc phát kiến địa lí của C. Cô-lô-bô tìm ra châu Mỹ (1492-1502) và cuộc thám hiểm của Ph. Ma-gien-lan vòng quanh Trái Đất (1519-1522) một cách rõ ràng và mạch lạc; viết đoạn văn (hoặc tiểu phẩm) kể về cuộc hành trình của các nhà thám hiểm và thuyết trình sản phẩm học tập; (3) Trí tuệ không gian: thông qua quan sát tranh ảnh, video, HS tạo ra mô hình tàu Caraven và la bàn thời kì đó; sử dụng phần mềm mô phỏng hoặc AI để vẽ lại bản đồ, chỉ ra các tuyến đường mà các nhà thám hiểm đã đi qua và phân tích vùng đất mà họ đã khám phá; vẽ tranh minh họa về các cuộc phát kiến địa lí; (4) Trí tuệ âm nhạc: HS sáng tác bài hát ca ngợi về các cuộc phát kiến địa lí; tìm hiểu về các bài hát, điệu múa liên quan đến các sự kiện này; (5) Trí tuệ nội tâm: HS suy nghĩ về ý nghĩa của các cuộc phát kiến địa lí đối với nhân loại; chia sẻ cảm xúc về những khó khăn mà các nhà thám hiểm phải đối mặt; viết nhật kí cảm nhận về các cuộc phát kiến địa lí và tác động của chúng đối với bản thân; (6) Trí tuệ giao tiếp: Tích cực trao đổi, làm việc nhóm, tổ chức tranh biện về những tác động tích cực và tiêu cực của các cuộc phát kiến địa lí; (7) Trí tuệ vận động: HS đóng vai các nhà thám hiểm, tái hiện lại các cuộc hành trình (thời lượng không quá 5 phút) hoặc sáng tạo điệu nhảy thể hiện tinh thần khám phá; (8) Trí tuệ tự nhiên học: Biết tìm hiểu về các loài động vật, thực vật mới được khám phá trong các cuộc hành trình.

Như vậy, với cách xác định mục tiêu bài học nêu trên, chúng tôi đã chú trọng vận dụng cả 8 loại trí tuệ. Tuy nhiên, việc xác định mục tiêu bài học không nhất thiết phải bao quát đầy đủ các dạng trí tuệ. Tùy vào nội dung, cấu trúc, loại bài học, đối tượng HS, GV linh hoạt xác định các dạng trí tuệ nổi trội cần hình thành cho HS.



### 2.3.2. Lựa chọn và sử dụng các phương pháp/kỹ thuật dạy học, xây dựng câu hỏi/bài tập theo hướng vận dụng Thuyết Đa trí tuệ

Trong lớp học Đa trí tuệ, việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật và phương tiện dạy học cần phù hợp với phong cách học tập của HS. Một phương pháp hay kỹ thuật có thể tác động đến một số dạng trí tuệ nhất định. Do đó, GV cần linh hoạt kết hợp nhiều phương pháp và kỹ thuật dạy học khác nhau trong giờ học, qua đó tạo cơ hội phát huy các trí tuệ nổi trội của HS, đồng thời giúp phát triển các dạng trí tuệ khác. Tiêu biểu như dạy học khám phá, dạy học phân hoá, dạy học dự án, dạy học theo hợp đồng và các kỹ thuật như khăn trải bàn, mảnh ghép, động não,... Với các chủ đề tích hợp, liên môn, đây là cơ hội lí tưởng để áp dụng Thuyết Đa trí tuệ.

Ví dụ, khi xây dựng kế hoạch bài học chủ đề “*Đô thị: Lịch sử và hiện tại*” (Lịch sử và Địa lí 9, Bộ Cánh diều), GV có thể lựa chọn và sử dụng các phương pháp/kỹ thuật dạy học tích cực và xây dựng câu hỏi/bài tập phù hợp với từng loại trí tuệ của HS như sau: (1) *Trí tuệ ngôn ngữ*: khi sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, viết bài, thuyết trình, gắn liền với giải quyết các câu hỏi/bài tập: Hãy tưởng tượng em là một cư dân đô thị cổ đại, viết một đoạn văn ngắn miêu tả về cuộc sống hằng ngày của cư dân nơi đây; Hãy đóng vai là một nhà sử học, viết một bài báo thể hiện sự phát triển của một đô thị tiêu biểu thời cận - hiện đại mà em yêu thích; Tổ chức một cuộc tranh luận về ưu và nhược điểm của quá trình đô thị hoá; (2) *Trí tuệ logic - toán học*: sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề kết hợp phân tích dữ liệu, hướng dẫn HS giải quyết các câu hỏi/bài tập: Tại sao các đô thị lớn thường phát triển gần các con sông hoặc giao lộ quan trọng?; Tính mật độ dân số của một đô thị và so sánh với các đô thị khác; Vẽ biểu đồ tăng trưởng dân số của đô thị qua các thời kì; (3) *Trí tuệ không gian*: sử dụng tranh ảnh, video, bản đồ, công nghệ số, với câu hỏi/bài tập: Em hãy sử dụng Google Earth để khám phá một số thành phố lớn trên thế giới; Sử dụng AI để thiết kế mô hình một đô thị lí tưởng của em; Thiết kế poster hoặc infographic giới thiệu về siêu đô thị?; (4) *Trí tuệ âm nhạc*: gợi ý cho HS có khả năng sáng tác, hát, nghe nhạc, với câu hỏi/bài tập: Sử dụng AI sáng tác một bài hát miêu tả sự thay đổi của đô thị theo thời gian; Nghe một bản nhạc về thành phố (Nhớ về Hà Nội, Huế thương, Mùa xuân trên TP. Hồ Chí Minh,...) và chia sẻ cảm xúc của mình; (5) *Trí tuệ vận động*: phù hợp với phương pháp đóng vai, trải nghiệm, khi hoàn thành câu hỏi/bài tập: Đóng vai cư dân sống trong đô thị hiện đại, tái hiện cảnh sinh hoạt trong một ngày; Tổ chức một buổi biểu diễn thời trang thể hiện phong cách sống của người thành phố; (6) *Trí tuệ giao tiếp*: được phát triển khi tổ chức cho HS thảo luận nhóm, thuyết trình, phỏng vấn, bằng một số câu hỏi/bài tập: Hãy phỏng vấn một người lớn tuổi về sự thay đổi của thành phố nơi em sinh sống; Tổ chức cho HS tranh luận “Đô thị hoá mang lại nhiều lợi ích hay thách thức hơn?”; (7) *Trí tuệ nội tâm*: Được phát triển khi gợi ý cho HS viết nhật kí, suy ngẫm, thông qua các câu hỏi/bài tập: Viết nhật kí học tập: “Những điều em học được về sự phát triển của đô thị?; Em sẽ làm gì để góp phần xây dựng một đô thị xanh - sạch - đẹp?”; (8) *Trí tuệ tự nhiên học*: Khi yêu cầu HS quan sát và hoàn thiện các dự án học tập với bài tập: Hãy so sánh môi trường sống ở thành phố và nông thôn; Hãy tìm hiểu các vấn đề môi trường ở đô thị và đề xuất giải pháp; Xây dựng dự án: “Thiết kế một khu đô thị sinh thái”.

Trên đây là một số gợi ý về cách thức tổ chức giờ học lịch sử theo Thuyết Đa trí tuệ. Trong thực tiễn giảng dạy, GV có thể kết hợp nhiều dạng trí tuệ trong một hoạt động.

### 2.3.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển các dạng trí tuệ của người học

Mục đích của biện pháp này là GV đưa ra một số phương pháp và công cụ đánh giá nhằm phát hiện sự cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, khuyến khích các em; nhận diện kịp thời những khó khăn, vướng mắc để hướng dẫn và hỗ trợ HS vượt qua. Qua đó, giúp HS phát huy tối đa trí tuệ nổi bật mà bản thân mình sở hữu. Hiện nay, có nhiều phương pháp và công cụ nhằm phát triển các dạng trí tuệ của người học như phương pháp viết (làm bài tập, viết đề án nhỏ, ghi nhận kí,...), phương pháp vấn đáp, quan sát, đánh giá thông qua sản phẩm học tập hoặc hồ sơ học tập của HS. Tùy thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và đối tượng nhận thức, GV thiết kế bài tập/đề kiểm tra, đánh giá phù hợp.

Ví dụ, khi dạy học chủ đề “*Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long*” (Lịch sử và Địa lí 9, bộ Cánh Diều), Dựa vào khả năng, sở trường của của mỗi HS, GV hướng dẫn các nhóm HS lựa chọn, thực hiện một trong những nhiệm vụ sau:

Bảng 3. Bài tập khi dạy chủ đề “*Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long*”

- Thiết kế logo về nền văn minh châu thổ sông Hồng hoặc sông Cửu Long.	- Lập niên biểu so sánh văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.	Sưu tầm tư liệu để giới thiệu với thầy cô và bạn học về một thành tựu của văn
--	---	---

- Thiết kế poster quảng bá những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng hoặc sông Cửu Long.	- Lập sơ đồ tóm tắt những biểu hiện, tác động của biến đổi khí hậu ở châu thổ sông Hồng hoặc sông Cửu Long.	minh châu thổ sông Hồng hoặc sông Cửu Long còn tồn tại đến ngày nay.
+ Thiết kế game “Nghe nhạc hiệu, đoán chương trình”. + Cuộc thi hát “Dân ca quan họ Bắc Ninh” và “Biểu diễn đờn ca tài tử”, hát chèo, hát chầu văn, cải lương...	HS TỰ DO LỰA CHỌN 1 TRONG 8 NHIỆM VỤ	Đóng vai là một nhà nghiên cứu di sản văn hoá, đề xuất và viết kế hoạch cho một dự án với chủ đề “Chống biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Hồng hoặc sông Cửu Long”.
Thiết kế một hội chợ văn hoá quảng bá những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng hoặc sông Cửu Long.	Thiết kế tập san một số nét văn hoá phi vật thể đặc sắc ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (văn hoá âm thực, các nghề thủ công, các lễ hội độc đáo, nghệ thuật).	Sáng tác một bài hát ca ngợi về nền văn minh châu thổ sông Hồng hoặc sông Cửu Long (có thể dùng cách nhép lời).

Việc HS được lựa chọn nhiệm vụ học tập phù hợp với năng lực của bản thân không chỉ giúp các em lĩnh hội được tri thức, rèn luyện các kỹ năng mà còn phát triển các dạng trí tuệ nổi trội của HS. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu này cho thấy, việc vận dụng Thuyết Đa trí tuệ để phát triển năng lực nhận thức và tư duy trong dạy học các chủ đề Lịch sử và Địa lí ở trường THCS là rất cần thiết và có ưu thế nổi bật. Một số biện pháp được chúng tôi nêu trên được xem là những gợi ý để vận dụng Thuyết Đa trí tuệ phù hợp và hiệu quả. Mỗi biện pháp không tồn tại độc lập mà có mối quan hệ biện chứng, tác động, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình dạy học, qua đó không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả dạy học các chủ đề tích hợp môn Lịch sử và Địa lí mà còn góp phần thực hiện mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS.

### Tài liệu tham khảo

- Anggoro, S., Fitriati, A., Thoe, N. K., Talib, C. A., & Mareza, L. (2024). Differentiated instruction based on multiple intelligences as promising joyful and meaningful learning. *International Journal of Evaluation and Research in Education*, 13(2), 1194-1204.
- Armstrong, T. (2011). *Đa trí tuệ trong lớp học*, Lê Quang Long (dịch). NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí (Cấp Trung học cơ sở)* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Campbell, L., Campbell, B., & Dickinson, D. (1996). *Teaching and learning through multiple intelligences*. Tucson, AZ: Zephyr Press.
- Demirel, Ö., Başbay, A., & Erdem, E. (2006). *Multiple intelligences in education: Theory and practice*. Ankara, Turkey: Pegem A Yayıncılık.
- Fasko, D. (2001). An analysis of multiple intelligences theory and its use with the gifted and talented. *Roeper Review*, 23(3), 126-130.
- Gardner, H. (1983). *Frames of Mind: The Theory of Multiple Intelligences*. New York: Basic Books.
- Gardner, H. (2012). *Cơ cấu trí khôn (Phạm Toàn dịch)*. NXB Tri thức.
- Hoàng Vân Trang (2022). Áp dụng Thuyết Đa trí tuệ của Howard Gardner trong giảng dạy. *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, 259, 78-80.
- Lazear, D. (1998). *Eight ways of teaching: The artistry of teaching with multiple intelligences*. Arlington Heights, IL: Skylight Publishing.
- Malapad, L. P., & Quimbo, M. A. T. (2021). Designing an instructional module for classroom teaching based on the multiple intelligences theory. *Philippine Social Science Journal*, 4(3), 9-18.
- Phạm Đăng Khoa (2016). Vận dụng Thuyết Đa trí tuệ vào dạy học phân hoá ở trường phổ thông hiện nay. *Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục*, 02(10), 60-65.
- Selçuk, Z., Kayılı, H., & Okut, L. (2000). *Multiple intelligence applications*. Ankara, Turkey: Nobel Yayın Dağıtım.